Trung tâm Tin học và Tính toán
vanthu@cic.vast.vn
Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
07-12-2023 14:32:55 +07:00

Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
05-12-2023 14:58:01 +07:00

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2523/QĐ-VHL	*Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán ngân sách năm 2023

CHỦ TỊCH
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 106/2022/NĐ-CP ngày 24/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu giao dự toán chi NSNN năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam (Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Chủ tịch Viện Hàn lâm (để b/c);
- Bộ Tài chính;
- Website Viện Hàn lâm;
- Lưu: VT, KHTC, NTT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Lê Trường Giang

VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2523 /QĐ-VHL ngày 05 /12 /2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2023	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
I	**Số thu phí, lệ phí**	**15.000,00**	**15.000,00**												
1	Lệ phí	**0,00**	**0,00**												
2	Phí	15.000,00	15.000,00												
	Phí bảo tàng	15.000,00	15.000,00												
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	**14.250,00**	**14.250,00**												
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	14.250,00	14.250,00												
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.250,00	14.250,00												
2	Chi quản lý hành chính	**0,00**	**0,00**												
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**	**750,00**	**750,00**												
3.1	Lệ phí	**0,00**	**0,00**												
3.2	Phí bảo tàng	750,00	750,00												
B	**Dự toán chi NSNN**	**1.118.347,80**	**1.085.235,00**	**372,10**	**-140,2854**	**602,00**	**-76,6280**	**641,4110**	**441,2813**	**280,5122**	**-8,9097**	**486,00**	**880,80**	**518,60**	**567,20**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**964.207,80**	**931.095,00**	**372,10**	**-140,2854**	**602,00**	**-76,6280**	**641,4110**	**441,2813**	**280,5122**	**-8,9097**	**486,00**	**880,80**	**518,60**	**567,20**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ		0,00												
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ		0,00												
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**845.577,80**	**825.893,00**	**372,10**	**-140,2854**	**602,00**	**-76,6280**	**641,4110**	**441,2813**	**280,5122**	**-8,9097**	**486,00**	**880,80**	**518,60**	**567,20**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN		325.291,00	0,0	0,0	0,0	-300,0	0,0	100,0	0,0	0,0	200,0	0,0	0,0	50,0
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia		*0,00*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2023	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ		*306.691,00*				*-300,0*		*100,0*			*200,0*			*50,0*
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở		*18.600,00*												
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ		283.698,8927												
2,30	Kinh phí cải cách tiền lương	**10.157,80**	10.157,80	432,1	0,0	712,0	320,2	830,4	551,5	336,6	272,5	231,0	516,4	518,6	308,0
2,4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		206.745,3073	-60,00	-140,2854	-110,00	-96,8280	-188,9890	-210,2187	-56,0878	-281,4097	55,00	364,40		209,20
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**	**85.930,00**	**75.602,00**	**0,00**											
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		33.074,05												
3.1.1	*Đào tạo sau đại học*		*16.272,00*												
3.1.2	*Đào tạo đại học*		*16.802,05*												
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		42.527,95	0,00											
3.2.1	*Đào tạo sau đại học*		*28.001,00*												
3.2.2	*Đào tạo đại học*		*9.336,95*												
3.2.3	*Đào tạo lại cán bộ công chức, viên chức*		*5.190,00*												
4	**Chi hoạt động kinh tế**	**14.120,00**	**14.120,00**												
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.120,00	14.120,00												
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**	**10.050,00**	**6.950,00**												
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	10.050,00	6.950,00												
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**	**8.530,00**	**8.530,00**												

TT	Nội dung	Dự toán được giao năm 2023	Tổng số đã phân bổ	Trong đó											
				Viện Toán học	Viện Công nghệ thông tin	Viện Cơ học	Viện Khoa học vật liệu	Viện Vật lý	Viện Hóa học	Viện Hóa học các hợp chất thiên nhiên	Viện Công nghệ sinh học	Viện Sinh thái và Tài nguyên Sinh vật	Viện Địa lý	Viện Địa chất	Viện Vật lý địa cầu
A	B			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0,00	0,00												
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	8.530,00	8.530,00												
II	**Nguồn vốn viện trợ**	**10.360,00**	**10.360,00**												
1	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**10.360,00**	**10.360,00**												
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**	**143.780,00**	**143.780,00**												

VIỆN HÀN LÂM KHOA FVIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2523 /QĐ-VHL ngày 05 / 12 /2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó														
		Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**															
I	**Số thu phí, lệ phí**					**15.000,00**										
1	Lệ phí					0,00										
2	Phí					15.000,00										
	Phí bảo tàng					15.000,00										
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại					14.250,00										
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					14.250,00										
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					14.250,00										
2	Chi quản lý hành chính					0,00										
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**					**750,00**										
3.1	Lệ phí					0,00										
3.2	Phí bảo tàng					750,00										
B	**Dự toán chi NSNN**	**508,70**	**487,6850**	**716,2005**	**175,50**	**0,00**	**311,6000**	**-611,5853**	**156,00**	**0,00**	**200,00**	**456,00**	**-75,70**	**87,20**	**0,00**	**106,1338**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**508,70**	**487,6850**	**716,2005**	**175,50**	**0,00**	**311,6000**	**-611,5853**	**156,00**	**0,00**	**200,00**	**456,00**	**-75,70**	**87,20**	**0,00**	**106,1338**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ															
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ															
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**508,70**	**487,6850**	**716,2005**	**175,50**	**0,00**	**311,60**	**-611,5853**	**156,00**	**0,00**	**200,00**	**456,00**	**-75,70**	**-1.342,80**	**0,00**	**106,1338**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	50,0	0,0	300,0	0,0	0,0	0,0	-300,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	100,0
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*

TT	Nội dung	Trong đó														
		Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ	*50,0*		*300,0*				*-300,0*								*100,0*
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở															
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ															
2,30	Kinh phí cải cách tiền lương	458,7	422,9	269,9	160,0	0,0	276,3	236,0	156,0	0,0	200,0	456,0	0,0	759,7	0,0	72,6
2,4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		64,7850	146,3005	15,50		35,30	-547,5853					-75,70	-2.102,50		-66,4662
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**													**1.430,00**		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
3.1.1	*Đào tạo sau đại học*															
3.1.2	*Đào tạo đại học*															
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													1.430,00		
3.2.1	*Đào tạo sau đại học*															
3.2.2	*Đào tạo đại học*															
3.2.3	*Đào tạo lại cán bộ công chức, viên chức*													*1.430,00*		
4	**Chi hoạt động kinh tế**															
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**															
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**															

TT	Nội dung	Trong đó														
		Viện Kỹ thuật nhiệt đới	Viện Cơ học và Tin học Ứng dụng	Viện Công nghệ hóa học	Viện Sinh học nhiệt đới	Viện Hải dương học	Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang	Viện Khoa học vật liệu ứng dụng	Viện Địa lý Tài nguyên TP.HCM	Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên	Viện Tài nguyên và Môi trường Biển	Viện Địa chất và Địa vật lý Biển	Trung tâm Thông tin - Tư liệu	Văn phòng Viện Hàn lâm KHCNVN	Văn phòng đại diện tại TP.HCM	Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao công nghệ
A	B	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên															
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên															
II	**Nguồn vốn viện trợ**															
1	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**															
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**															

VIỆN HÀN LÂM KHOA FVIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Biểu số 1

CHƯƠNG: 046

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỔ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 2523 /QĐ-VHL ngày 05 / 12 /2023 của Chủ tịch Viện Hàn lâm KHCNVN)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Trong đó													
		Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển Công nghệ cao	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	Trung tâm tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**														
I	**Số thu phí, lệ phí**														
1	Lệ phí														
2	Phí														
	Phí bảo tàng														
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại														
1	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin														
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
2	Chi quản lý hành chính														
III	**Số phí, lệ phí nộp NSNN**														
3.1	Lệ phí														
3.2	Phí bảo tàng														
B	**Dự toán chi NSNN**	**-227,7396**	**31,70**	**86,20**	**436,30**	**260,40**	**39,10**	**41,3148**	**79,80**	**319,9219**	**239,00**	**631,10**	**1.658,4425**	**-1.430,00**	**910,4450**
I	**Nguồn Ngân sách trong nước**	**-227,7396**	**31,70**	**86,20**	**436,30**	**260,40**	**39,10**	**41,3148**	**79,80**	**319,9219**	**239,00**	**631,10**	**1.658,4425**	**-1.430,00**	**910,4450**
I	**Chi quản lý hành chính**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**	**0,00**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ														
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ														
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**	**-227,7396**	**31,70**	**86,20**	**436,30**	**260,40**	**39,10**	**41,3148**	**79,80**	**319,9219**	**239,00**	**631,10**	**1.658,4425**	**0,00**	**910,445**
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KHCN	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	0,0	100,0	0,0	100,0	0,0	0,0	0,0
	- Nhiệm vụ KHCN cấp quốc gia	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*	*0,0*

TT	Nội dung	Trong đó													
		Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển Công nghệ cao	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	Trung tâm tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41
	- Nhiệm vụ KHCN cấp Bộ									*100,0*		*100,0*		*0,0*	
	- Nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở													*0,0*	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên giao tự chủ													0,0	
2,30	Kinh phí cải cách tiền lương	101,5	31,7	0,0	236,3	260,4	39,1	134,5	18,2	343,6	239,0	256,1	0,0	0,0	0,0
2,4	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-329,2396		86,20	200,00			-93,1852	61,60	-123,6781		275,00	1.658,4425		910,445
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề**													**-1.430,00**	**0,00**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
3.1.1	*Đào tạo sau đại học*														
3.1.2	*Đào tạo đại học*														
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên													-1.430,00	
3.2.1	*Đào tạo sau đại học*														
3.2.2	*Đào tạo đại học*													*-1.430,00*	
3.2.3	*Đào tạo lại cán bộ công chức, viên chức*														
4	**Chi hoạt động kinh tế**														
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
5	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**														
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
6	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**														

TT	Nội dung	Trong đó													
		Viện Công nghệ môi trường	Viện Khoa học năng lượng	Nhà xuất bản Khoa học Tự nhiên và Công nghệ	Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam	Viện Công nghệ vũ trụ	Trung tâm Phát triển Công nghệ cao	Viện Nghiên cứu khoa học miền Trung	Trung tâm tin học và Tính toán	Viện Hoá sinh biển	Trung tâm Vũ trụ Việt Nam	Viện Nghiên cứu hệ gen	Học viện Khoa học và Công nghệ	Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội	Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam - Đoàn ra
A	B	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên														
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên														
II	**Nguồn vốn viện trợ**														
1	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**														
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**														